

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2021/HS-ST

Ngày: 19-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắm

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2020/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116 /2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành D, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Võ Thị V; Vợ: Thái Ngọc C; Có 01 người con sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 23-02-2020, đến ngày 03-3-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt).

2. Ngô Văn Q, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Văn Đ và bà Lê Thị N; Vợ: Trần Thị Phương D; Có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 23-02-2020, đến ngày 03-3-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

3. Trần Quang H (N), sinh năm 1989, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18-3-2018, bị Công an xã P ra Quyết định số 39 phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 15-5-2018, bị Công an xã P ra Quyết định số 70 phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 06-06-2018, bị Công an xã P ra Quyết định số 78 phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 12-9-2018, bị Tòa án nhân dân huyện G ra Quyết định số 40 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-02-2020, đến ngày 03-3-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 25-11-2020 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. (có mặt).

4. Đặng Trọng H (H), sinh năm: 1983, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế trước đây, hiện tại không có; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn B và bà Dương Ngọc A; Vợ con chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 30-3-2020, bị Công an, xã P, huyện G, xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30-9-2020 cho đến nay.(có mặt).

5. Cao Văn N (S), sinh năm: 1983, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Văn Đ (hay Đ) (chết) (làm rõ) và bà Lưu Thị B (chết) (làm rõ B hay B); Vợ Biện Thị Q; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm: 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24-5-2019 bị Ủy ban nhân dân huyện G ra Quyết định số 91 phạt 7.500.000 đồng về hành vi tổ chức đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam ngày 11- 8 – 2020 cho đến nay.(có mặt).

6. Đặng Hồng H, sinh năm 1978, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn S (chết) và bà Đỗ Thị M (chết) ; Vợ Đặng Thị Mỹ N; con có 02 người lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08-3-2012, bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo và phạt bổ sung 5.000.000 về tội đánh bạc, chấp hành xong thời gian thử thách án treo ngày 08-3-2013, đã nộp án phí và tiền phạt bổ sung xong ngày 11-3-2016. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

7. Trần Văn H, sinh năm: 1963, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn L và bà Huỳnh Thị G; Vợ Lê Thị D; Con có 01 người; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày

17-03-2005 bị Công an huyện G xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ ngày 23-02-2020, đến ngày 28-02-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt).

8. Nguyễn Thành T (R, L), sinh năm: 1974, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị N; Vợ Trần Thị V; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm: 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 07-02-2020 bị Công an xã B, huyện G ra Quyết định số 160 phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo giam ngày 14-5-2020, đến ngày 08-6-2020 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

9. Trần Văn Đ, sinh năm: 1981, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M (Chết) và bà Trần Thị Đ; Vợ Đỗ Huệ T; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm: 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23-02-2020, đến ngày 28-02-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

10. Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Thị G; Vợ Trần Thị Thúy V; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm: 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 23-02-2020, đến ngày 28-02-2020 được trả tự do cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo tại ngoại có mặt).

11. Nguyễn Hoàng A (L), sinh năm: 1986, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp S, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh và nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. (Bị cáo tại ngoại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo N có 01 tiền sự về hành vi tổ chức đánh bạc. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22-02-2020, bị cáo N mang theo 700.000 đồng, 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sù và 01 nắp nhựa, anh Phạm Văn K mang theo 200.000 đồng, bị cáo H mang theo 800.000 đồng, bị cáo A mang theo 1.000.000 đồng, anh Đinh Minh T mang theo 500.000 đồng và anh Đặng Lê Phước Đ mang theo 200.000 đồng, đến đám tang nhà của ông Đoàn Văn M thuộc ấp S, xã P, huyện G, cùng nhau tham gia lặt tài

xỉu thắng thua bằng tiền do bị cáo N làm cái, mỗi ván người tham gia đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Trong lúc đánh bạc, bị cáo N có nhờ anh Cao Văn H làm cái lắc dùm 02 ván do bị cáo N đi vệ sinh. Khi làm cái khoảng 07 ván, bị cáo N, anh H, anh T, anh Đ và anh K nghỉ đi về trước.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, các bị cáo D mang theo 37.000.000 đồng, H mang theo 300.000 đồng, T mang theo 1.400.000 đồng, T mang theo 800.000 đồng, Trần Văn Đ mang theo 1.300.000 đồng, Đặng Trọng H mang theo 200.000 đồng, Đặng Hồng H mang theo 100.000 đồng, đến sòng tài xỉu trên, cùng nhau tham gia lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền do bị cáo D làm cái, mỗi ván người tham gia đặt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Lúc này, bị cáo H và bị cáo A tiếp tục tham gia đặt tài xỉu. Trong lúc đánh bạc, bị cáo Q có mang theo 18.000.000 đồng đến sòng tài xỉu xin bị cáo D cho bị cáo Q được làm cái đặt số cho các bị cáo H, H và A tham gia từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng thì bị cáo D đồng ý.

Người làm cái dùng tám manh có chữ tài xỉu và các con số để dưới đất, dùng 03 hột xí ngẫu hình lục giác, trên mỗi mặt có in số nút từ 01 đến 06 để vào đĩa tròn dùng nắp đậy lại và cầm lắc nhiều lần, sau đó để xuống chờ người tham gia đặt tiền. Khi người làm cái mở nắp nhựa ra, nếu 03 mặt ngửa trên 03 hột xí ngẫu cộng lại có số nút từ 03 đến 10 nút là xỉu thì người làm cái thua bên xỉu và thắng bên tài; Nếu từ 11 đến 18 nút là tài thì người làm cái thua bên tài và thắng bên xỉu; Nếu 03 mặt ngửa của 03 hột xí ngẫu giống nhau và có tổng số nút 3, 6, 9 là cái bảo xỉu; Tổng số nút 12, 15, 18 là cái bảo tài. Khi cái bảo xỉu thì người làm cái hòa với những người đặt xỉu, thắng những người đặt tài và ngược lại. Ngoài ra, còn đặt cược với hình thức bắt số nút theo tỷ lệ thắng từ 06 lần đến 30 lần tùy thuộc vào người tham gia đặt ô số nào trên tám manh, nếu số của người tham gia đặt cược trùng với số nút của 03 hột xí ngẫu mà nhà cái lắc tài xỉu cộng lại thì người tham gia thắng và ngược lại.

Đến 23 giờ cùng ngày, khi các bị cáo D, Q, H, T, H, Đ, T, A, H và H đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, trong đó D thắng 2.950.000 đồng, Q thắng 6.500.000 đồng, H huề tiền, T thắng 400.000 đồng, H thua 500.000 đồng, Đ thắng 500.000 đồng, T thắng 100.000 đồng, A thắng 300.000 đồng, H thua 200.000 đồng, H huề tiền thì bị Công an huyện G bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc gồm: 5.950.000 đồng, 03 hột xí ngẫu, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa, 01 tám manh bằng nhựa có chữ tài xỉu. Công an thu giữ số tiền trên người của các đối tượng dùng đánh bạc gồm: D 39.952.000 đồng, Q 24.500.000 đồng, H 300.000 đồng, T 900.000 đồng, Đ 1.000.000 đồng, T 1.800.000 đồng, A 1.300.000 đồng.

Quá trình điều tra, tất cả thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo.

Về kê biên tài sản: Các bị cáo Đ, D có tài sản quyền sử dụng đất và sổ tiết kiệm có kỳ hạn, N và H có tài sản quyền sử dụng đất, Q có tài sản sổ tiết kiệm có kỳ hạn.

Tại bản Cáo trạng số: 132/CT- VKSGD ngày 21 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thành D, Ngô Văn Q, Trần Quang H (N), Đặng Trọng H (H), Cao Văn N (S), Đặng Hồng H, Trần Văn H, Nguyễn Thành T (R), Trần Văn Đ, Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Hoàng A (L) về tội “Đánh bạc” khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thành D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Ngô Văn Q mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Quang H (N), mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Miễn phạt bổ sung.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đặng Trọng H (H) từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Cao Văn N (S) từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Văn H từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Thành T (R) từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Văn Đ từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Hoàng A (L) từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Hoàng T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đặng Hồng H từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc các bị cáo Trần Quang H nộp lại số tiền 300.000 đồng; Cao Văn N nộp lại số tiền 700.000 đồng; Đặng Hồng H nộp lại số tiền 100.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Bị cáo N có 01 tiền sự về hành vi tổ chức đánh bạc nhưng vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22-02-2020 bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền cùng với anh Phạm Văn K, bị cáo H, bị cáo A, anh Đinh Minh T và anh Đặng Lê Phước Đ tại đám tang nhà của ông Đoàn Văn M thuộc ấp S, xã P, huyện G, do bị cáo N làm cái lắc tài xỉu, mỗi ván người tham gia đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Trong lúc đánh bạc, bị cáo N có nhờ anh Cao Văn H làm cái lắc dùm 02 ván do bị cáo N đi vệ sinh. Khi làm cái khoảng 07 ván, bị cáo N, anh H, anh T, anh Đ và anh K nghỉ đi về trước nên số tiền tham gia đánh bạc là 3.400.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, các bị cáo D, H, T, T, Đ, H, H, đến sòng tài xỉu trên, cùng nhau tham gia lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền do bị cáo D làm cái, mỗi ván người tham gia đặt tiền từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Lúc này, bị cáo H và bị cáo A tiếp tục tham gia đặt tài xỉu. Trong lúc đánh bạc, bị cáo Q đến sòng tài xỉu xin bị cáo D cho bị cáo Q được làm cái đặt số cho các bị cáo H, H và A tham gia từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng thì bị cáo D đồng ý. Tổng số tiền mà bị cáo D cùng các bị cáo khác tham gia đánh bạc là 40.800.000 đồng, còn tổng số tiền mà bị cáo Q cùng các bị cáo H, H và A tham gia đánh bạc là 20.100.000 đồng

Đến 23 giờ cùng ngày, khi các bị cáo D, Q, H, T, H, Đ, T, A, H và H đang đánh bạc thắng thua bằng tiền thì bị Công an huyện G bắt quả tang. Do đó hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc thắng thu bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nên phải xử một mức án thật nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Đối với hai bị cáo D làm cái lắc tài xỉu cho các bị cáo khác tham gia đặt cược, còn bị cáo Q cũng làm cái nhận cược bắt số cho các bị cáo khác tham gia bắt số thắng thu bằng tiền nên trong vụ án này hai bị cáo phải chịu mức án ngang nhau. Hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo được nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-8-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với hai bị cáo.

Bị cáo H có nhân thân xấu, ngoài ra bị cáo có ý định bỏ trốn sau khi nhận quyết định xét xử, tuy nhiên sau khi bắt bị cáo để đảm bảo việc xét xử tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải nên có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo H.

Các bị cáo N và H có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và hình phạt đối với hai bị cáo N và H bằng với thời giam tạm giam của hai bị cáo cũng đủ răn đe và giáo dục hai bị cáo.

Các bị cáo Đ, T, H, H, A và T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng kinh tế nên xem xét áp dụng hình phạt tiền là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên áp dụng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo H và N là chưa đủ răn đe và giáo dục hai bị cáo H và N.

[5] Đối với anh Cao Văn H, Phạm Văn K, Đinh Minh T và Đặng Lê Phước Đ có hành vi đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nhưng chưa có tiền án, tiền sự nên Công an huyện G đã xử phạt hành chính là có căn cứ.

[6] Tình tiết tăng nặng: Không.

[7] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo D, Q, H, N, H, H, T, T, Đ và A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo T thực hiện nghĩa vụ quân sự tại tiểu đoàn tăng thiết giáp ở H, Thành phố Hồ Chí Minh được xuất ngũ năm 2008.

[8] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vật chứng:

Đối với 06 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa màu đen, 01 tấm nhựa có in chữ “TÀI” “XỈU” do các bị dùng vào việc thực hiện tội phạm nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Sam sung Galaxy A70, màu xanh, số sim 0983430828, số Imei 1: 355915103334595, số Imei 2: 355916103334593, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của bị cáo D; 01 điện thoại Sam sung Galaxy A50, màu xanh, số sim 0393757252, số Imei 1: 357088105690311, số Imei 2: 305789105690319, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của bị cáo T; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, số sim: 0975239108, số Imei: 355957041248693, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của bị cáo Đ dùng để liên lạc cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với số tiền 75.702.000 đồng trong đó phần bị cáo D làm cái lắt tài xỉu cho các bị cáo: H, T, T, Đ, H, H tham gia đặt cược và số tiền mang theo dùng vào việc đánh bạc là 41.200.000 đồng, phần của bị cáo Q làm cái bắt số cho các bị cáo H, H và A tham gia bắt số với số tiền tham gia đánh bạc và số tiền mang theo trong người dùng vào việc đánh bạc là 34.502.000 đồng nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiết kiệm của các bị cáo: D số tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; Bị cáo Q số tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; Đ số tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; T số tiết kiệm mệnh giá 30.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Buộc các bị cáo: Trần Quang H nộp lại số tiền 300.000 đồng; Cao Văn N nộp lại số tiền 700.000 đồng; Đặng Hồng H nộp lại số tiền 100.000 đồng sung quỹ nhà nước.

[9] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa xét thấy cần phạt bổ sung các bị cáo thì thấy phạt bổ sung các bị cáo D số tiền 30.000.000 đồng; Q số tiền 30.000.000 đồng; N số tiền 10.000.000 đồng; H số tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo H không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn phạt bổ sung.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành D, Ngô Văn Q, Nguyễn Thành T (R), Cao Văn N (S), Đặng Hồng H, Trần Quang H (N), Đặng Trọng H (H), Trần Văn H, Nguyễn Hoàng A (L), Nguyễn Hoàng T và Trần Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thành D 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo D 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Ngô Văn Q 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Q 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Quang H (N) 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-11-2020 được trừ vào những ngày tạm giữ từ ngày 26-02-2020 đến ngày 03-03-2020.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Cao Văn N (S) 05 tháng 08 ngày bằng thời gian tạm giam từ ngày 11-8-2020 đến ngày 19-01-2021. Phạt bổ sung bị cáo N (S) 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Đặng Trọng H (H) 03 tháng 19 ngày bằng thời hạn tạm giam từ ngày 30-9-2020 đến ngày 19-01-2021. Phạt bổ sung bị cáo H (H) 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thành T (R) 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Văn Đ 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Văn H 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Hoàng A (L) 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Đặng Hồng H 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Hoàng T 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo D và Q về UBND xã P giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Tuyên trả tự do các bị cáo N (S) và H (H) nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 06 hột xì ngầu, 01 đĩa sứ, 01 nắp nhựa màu đen, 01 tấm nhựa có in chữ “Tài” “Xui”.

Tuyên trả cho các bị cáo: D 01 điện thoại Sam sung Galaxy A70, màu xanh, số sim 0983430828, số Imei 1: 355915103334595, số Imei 2: 355916103334593, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; T 01 điện thoại Sam sung Galaxy A50, màu xanh, số sim 0393757252, số Imei 1: 357088105690311, số Imei 2: 305789105690319, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong; Đ 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, số sim: 0975239108, số Imei: 355957041248693, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 75.702.000 đồng.

Buộc các bị cáo: Trần Quang H nộp lại số tiền 300.000 đồng; Cao Văn N nộp lại số tiền 700.000 đồng; Đặng Hồng H nộp lại số tiền 100.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ sổ tiết kiệm của các bị cáo: D sổ tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; Q sổ tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; Đ sổ tiết kiệm mệnh giá 20.000.000 đồng; T sổ tiết kiệm mệnh giá 30.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo Nguyễn Thành D, Ngô Văn Q, Nguyễn Thành T (R), Cao Văn N (S), Đặng Hồng H, Trần Quang H (N), Đặng Trọng H (H), Trần Văn H, Nguyễn Hoàng A (L), Nguyễn Hoàng T và Trần Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở tư pháp tỉnh nơi BC ĐKNKTT;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Hữu Tài